

Số: **41** /2018/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **17** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cụ thể cưỡng chế thi hành quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 276/TTr-STNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bắc Kạn;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Báo Bắc Kạn;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, NCKSTT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Đại Hải

QUY ĐỊNH

**Cụ thể cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **41** /2018/QĐ-UBND ngày **17** tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể việc thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật nhưng không tự nguyện chấp hành.

2. Người có thẩm quyền, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cưỡng chế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

1. *Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để giải quyết các tranh chấp đất đai.

2. *Người bị cưỡng chế* là tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nhưng không tự nguyện thi hành và bị cưỡng chế.

a) Tổ chức bị cưỡng chế bao gồm cả hộ gia đình, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Cá nhân bị cưỡng chế bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

Được quy định tại các điểm 2, 3, 4 khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Ban hành quyết định cưỡng chế, thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

1. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật mà không được thi hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên gặp gỡ, làm việc với các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có) để thu thập thông tin, động viên, tuyên truyền, thuyết phục, yêu cầu các bên chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật. Rà soát các điều kiện thực hiện cưỡng chế theo quy định, xác minh hiện trạng đất, nguồn gốc, tình trạng tài sản gắn liền với đất phải thực hiện cưỡng chế để tham mưu, đề xuất hướng xử lý theo quy định.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan được giao nhiệm vụ phải báo cáo kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế; báo cáo gồm có các nội dung cơ bản: việc triển khai thực hiện; quá trình giải thích, tuyên truyền, thuyết phục; yêu cầu của các bên tranh chấp; tình trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất, nhận xét và kiến nghị ban hành quyết định thành lập Ban cưỡng chế, quyết định cưỡng chế nếu đối tượng không tự nguyện chấp hành.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

4. Quyết định cưỡng chế ban hành theo mẫu (mẫu 01) và phải bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Căn cứ ban hành quyết định cưỡng chế.
- b) Căn cứ thực hiện việc cưỡng chế.
- c) Họ, tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế.
- d) Nội dung cưỡng chế.
- đ) Thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế.
- e) Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

5. Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế ban hành theo mẫu (mẫu 02), thành phần Ban thực hiện cưỡng chế theo quy định tại điểm 6 khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 6. Gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi quyết định cưỡng chế được ban hành phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giao ngay quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, đồng thời thực hiện niêm yết công khai quyết định cưỡng chế.

a) Quyết định cưỡng chế được giao cho người bị cưỡng chế như sau:

Gửi qua đường bưu điện bằng hình thức bảo đảm. Nếu bị trả lại do người bị cưỡng chế cố tình không nhận thì được coi là quyết định đã được giao. Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản có sự chứng kiến của đại diện thôn, tổ, tiểu khu hoặc đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ, tiểu khu về việc này.

Giao trực tiếp cho người bị cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế không nhận quyết định cưỡng chế, Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản có sự chứng kiến của đại diện thôn, tổ, tiểu khu hoặc đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ, tiểu khu thì coi là quyết định đã được giao.

Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt, Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định cưỡng chế cho đại diện người trong gia đình của người bị cưỡng chế có đủ năng lực hành vi dân sự, như: cha, mẹ, vợ, chồng, con của người bị cưỡng chế. Việc giao quyết định cưỡng chế phải lập biên bản, có ký tên hoặc điểm chỉ của người nhận thì được coi như quyết định đã được giao. Nếu người thân của người bị cưỡng chế không nhận quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản có sự chứng kiến của đại diện thôn, tổ, tiểu khu hoặc đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ, tiểu khu thì coi là quyết định đã được giao.

Trường hợp người bị cưỡng chế đang bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù thì việc cưỡng chế chỉ được thực hiện sau khi cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế đã thông qua cơ quan đang thực hiện việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù gửi quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế.

Trường hợp có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản có sự chứng kiến của đại diện thôn, tổ, tiểu khu hoặc đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ, tiểu khu thì coi là quyết định cưỡng chế đã được giao.

b) Việc niêm yết Quyết định cưỡng chế:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế niêm yết công khai quyết định cưỡng chế tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất bị cưỡng chế trong thời hạn 10 ngày liên tục, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế.

Việc niêm yết và kết thúc niêm yết phải được Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản.

Điều 7. Lập, phê duyệt kế hoạch cưỡng chế

1. Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch cưỡng chế.

Kế hoạch cưỡng chế ban hành theo mẫu (mẫu 03), gồm các nội dung chính sau:

a) Mục đích, yêu cầu của việc cưỡng chế.

b) Thời gian, địa điểm, tiến độ thực hiện cưỡng chế.

c) Nội dung cưỡng chế.

d) Thành phần, lực lượng tham gia cưỡng chế.

đ) Phương tiện, công cụ phục vụ, hỗ trợ cưỡng chế.

e) Dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó.

g) Chi phí thực hiện cưỡng chế.

h) Phương án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế (nếu có).

i) Phương án bố trí nơi bảo quản tài sản gắn liền với đất của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế.

k) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế trình kế hoạch cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch cưỡng chế.

2. Sau khi kế hoạch cưỡng chế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức thực hiện.

Điều 8. Thông báo thời gian cưỡng chế, đối thoại với người bị cưỡng chế

Trước khi thực hiện cưỡng chế ít nhất 05 ngày làm việc, Ban thực hiện cưỡng chế gửi văn bản thông báo thời gian cưỡng chế đến người bị cưỡng chế theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên đối thoại, vận động, giải thích, thuyết phục người bị cưỡng chế.

1. Nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận việc chấp hành. Việc thực hiện các nội dung trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Nếu người bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành, Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản về việc đối thoại, vận động không thành và thông báo cho người bị cưỡng chế các nội dung: thời gian, địa điểm cưỡng chế, yêu cầu người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản gắn liền với đất phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Điều 9. Đình chỉ cưỡng chế

Việc thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai được đình chỉ trong các trường hợp sau:

1. Các bên tranh chấp đất đai có thỏa thuận về đất tranh chấp khác với kết quả giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà nội dung thỏa thuận đó không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và thực hiện được trên thực tế thì thi hành theo kết quả thỏa thuận đó.

Việc thỏa thuận của các bên tranh chấp phải được lập thành văn bản nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung thỏa thuận, có chữ ký của tất cả các bên tranh chấp và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp.

Các bên tranh chấp đất đai có trách nhiệm gửi văn bản thỏa thuận đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này về Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở quyết định đình chỉ cưỡng chế.

2. Người bị cưỡng chế tự nguyện thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Điều 10. Tiến hành cưỡng chế

1. Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện việc cưỡng chế có sự chứng kiến của đại diện thôn, tổ, tiểu khu hoặc đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ, tiểu khu nơi cưỡng chế.

Trước khi bắt đầu việc cưỡng chế, người chủ trì cưỡng chế đọc, công bố công khai nội dung quyết định cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế, thời hạn thực hiện việc cưỡng chế; nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt tại buổi cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế vẫn tiến hành cưỡng chế sau khi đã công bố quyết định cưỡng chế.

2. Ban thực hiện cưỡng chế buộc người bị cưỡng chế di chuyển tài sản (nếu có) và những người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế. Nếu người bị cưỡng chế không tự di chuyển tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản xác định rõ số lượng, chủng loại, tình trạng tài sản có xác nhận của đại diện thôn, tổ, tiểu khu, Ủy ban nhân dân cấp xã và chữ ký hoặc điểm chỉ của người có tài sản; trường hợp người có tài sản từ chối ký biên bản thì ghi rõ việc người có tài sản không ký vào biên bản và thực hiện di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cưỡng chế. Người bị cưỡng chế có trách nhiệm tự quản lý tài sản của mình.

3. Xác định ranh giới, mốc giới trên thực địa theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; bàn giao quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp cho bên được chỉ định trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

4. Lập biên bản ghi lại toàn bộ diễn biến việc cưỡng chế, các tình huống phát sinh (nếu có). Biên bản phải có chữ ký của đại diện các lực lượng trực tiếp cưỡng chế, người bị cưỡng chế, người chứng kiến; trường hợp người bị cưỡng chế từ chối ký biên bản thì người lập biên bản ghi rõ việc này vào biên bản và ký xác nhận.

Điều 11. Kết thúc việc cưỡng chế

Kết thúc việc cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao các cơ quan chuyên môn thực hiện các công việc sau đây:

1. Lưu giữ hồ sơ cưỡng chế, hồ sơ cưỡng chế gồm:

- a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
- b) Báo cáo kết quả xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.
- c) Quyết định cưỡng chế.
- d) Kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt.
- đ) Các biên bản giao, gửi, công khai, niêm yết quyết định cưỡng chế, thông báo thời gian cưỡng chế.
- e) Các biên bản đối thoại, vận động, thuyết phục người phải chấp hành, người bị cưỡng chế.
- g) Biên bản cưỡng chế hoặc biên bản thỏa thuận thành của các bên tranh chấp hoặc biên bản ghi nhận chấp hành của người bị cưỡng chế.
- h) Các tài liệu khác liên quan.

2. Sao gửi 01 bộ hồ sơ liên quan đến cơ quan tài nguyên và môi trường để hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện các thủ tục về đất đai.

3. Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt thì chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế niêm yết công khai kết quả cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân xã, nhà họp thôn và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất trong thời hạn 15 ngày.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực, tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai khi người phải chấp hành không chấp hành.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

3. Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền vận động, thuyết phục người phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai tự nguyện chấp hành.

2. Thực hiện giao, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Phối hợp cơ quan liên quan bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ tìm nơi ở mới cho người bị cưỡng chế trong trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế mà không còn chỗ ở nào khác và không tự tạo lập được chỗ ở mới.

3. Huy động lực lượng địa phương tham gia thực hiện cưỡng chế; tham gia niêm phong, di chuyển tài sản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế (nếu có) theo sự chỉ đạo của Ban thực hiện cưỡng chế.

4. Các trách nhiệm khác khi được giao theo Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của các phòng chuyên môn cấp huyện

Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính, Thanh tra huyện, Phòng Quản lý đô thị/Phòng Kinh tế hạ tầng có trách nhiệm tham gia thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai như sau:

1. Cử người tham gia thi hành quyết định cưỡng chế, chấp hành sự phân công nhiệm vụ của Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Thực hiện các công việc cần thiết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình để đảm bảo hỗ trợ, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật và quy định này.

3. Các trách nhiệm khác khi được giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện phối hợp, cử người tham gia thi hành quyết định cưỡng chế, thực hiện các công việc cần thiết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình để đảm bảo hỗ trợ, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo đúng quy định.

Điều 16. Đối với Công an cấp huyện

Căn cứ kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, xây dựng kế hoạch, thống nhất các phương án bảo vệ với Ban thực hiện cưỡng chế; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia bảo vệ công tác cưỡng chế, kịp thời ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm an toàn cho người, tài sản của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức thi hành cưỡng chế.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, vận động người phải chấp hành tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực của ngành khi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện việc cưỡng chế khi được Ban thực hiện cưỡng chế yêu cầu.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của người bị cưỡng chế

1. Được hoãn thi hành quyết định cưỡng chế trong trường hợp có đơn đề nghị hoãn thi hành do nguyên nhân bất khả kháng và được chính quyền địa phương xác nhận. Hết thời hạn được người có thẩm quyền cho phép hoãn thi hành quyết định, người bị cưỡng chế phải thi hành quyết định cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Có quyền khiếu nại, tố cáo những người tham gia, thực hiện cưỡng chế có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện quyết định cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ và thực hiện nghiêm quyết định cưỡng chế, yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai ban hành trước ngày quy định này có hiệu lực nếu chưa được thi hành thì thực hiện cưỡng chế theo quy định này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phổ biến, tổ chức thực hiện nội dung quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát hiện có nội dung trái quy định cần kịp thời thông tin, phản ánh đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN, THÀNH
PHỐ.....¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

.....², ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Cưỡng chế thi hành

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định cụ thể cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Để bảo đảm thi hành Quyết định.....số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... nămdo.....ký;

Căn cứ Văn bản giao quyền số/.....ngày ... tháng ... năm..... (nếu cấp phó ký),

Tôi: Chức vụ: Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành quyết định ... số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm... đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức.....

Ngày tháng năm sinh Quốc tịch.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Cấp ngày:..... Nơi cấp.....

Lý do áp dụng:.....

.....

Biện pháp cưỡng chế gồm:³.....

Chi phí cưỡng chế:

Thời gian thực hiện:^{4a}

kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Địa điểm thực hiện:^{4b}

Cơ quan, tổ chức phối hợp:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm.....

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức⁵.....để chấp hành.

Ông (Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao ⁶.....để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

³ Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.

^{4a} Ghi rõ thời gian, tổ chức cưỡng chế.

^{4b} Ghi rõ địa điểm tổ chức cưỡng chế.

⁵ Ghi rõ tên của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

⁶ Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan phối hợp cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN, THÀNH
PHỐ.....¹**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

.....², ngày.....tháng....năm

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định

.....

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày.../.../...của Chủ tịch UBND.....V/v cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Để bảo đảm thi hành Quyết định...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm do.....ký;

Căn cứ Văn bản giao quyền số .../.....ngày ... tháng ... năm..... (nếu cấp phó ký),

Tôi:..... Chức vụ:.....Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà).....Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện (thành phố), Trưởng Ban;

2. Ông (bà).....Chánh Thanh tra, huyện (thành phố), Phó Trưởng Ban;

3. Ông (bà).....Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (thành phố), thành viên;

4. Ông (bà).....Trưởng phòng Tư pháp, thành viên;

5. Ông (bà).....Trưởng phòng Quản lý đô thị/phòng Kinh tế hạ tầng, thành viên;

6. Ông (bà)..... Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, (phường, thị trấn) Thành viên;

.....

Điều 2. Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định.....có nhiệm vụ:

- Xây dựng Kế hoạch cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định.

- Ban thực hiện cưỡng chế tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ cưỡng chế ngoài thực địa đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm.....

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
BAN THỰC HIỆN CƯỠNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo Quyết định số:...../QĐ-
UBND ngày/...../.....
của UBND.....

....., ngày.....tháng....năm

KẾ HOẠCH

Cưỡng chế thi hành quyết định

Thực hiện Quyết định sốngày...../...../..... của
về việc cưỡng chế thi hành quyết định; Quyết định
số.....ngày...../...../..... củavề việc thành lập Ban thực hiện
cưỡng chế thi hành quyết định.....

Ban thực hiện cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế thi hành quyết
định.....như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

.....

2. Yêu cầu

.....

II. Nội dung cưỡng chế

.....

III. Phương pháp tiến hành cưỡng chế

.....

IV. Dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó; Phương án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế (nếu có).

V. Tổ chức thực hiện

- Tiến độ thực hiện:
- Chế độ thông tin, báo cáo:
- Thành viên tiến hành cưỡng chế:
- Điều kiện vật chất, kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc cưỡng chế:
- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Những vấn đề khác (nếu có):.....

Nơi nhận:

- Người ban hành Quyết định cưỡng chế;
- Các cơ quan có liên quan;
- Thành viên Ban TH cưỡng chế;
- Lưu: HS

TM. BAN THỰC HIỆN CƯỠNG CHẾ
TRƯỞNG BAN
(Ký và đóng dấu)